03

UỶ BAN NHÂN DÂN **Tỉnh Thái Nguyên** ***	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** ---------- **K/32b**
Số: 580 /1999/QĐ-UB	*Thái nguyên, ngày 26 tháng 02 năm 1999*

QUYẾT ĐỊNH CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
V/v Phê duyệt phương án triển khai thực hiện các mặt hàng chính sách miền núi ở địa phương năm 1999

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND.

- Căn cứ Nghị định số 20/1998/NĐ-CP ngày 31/3/1998 về chính sách phát triển thương mại miền núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc và Thông tư Liên bộ số 11/1998/TTLT/BTM-UBDTMN-BTC-BKHĐT ngày 31/7/1998 của Liên Bộ: Thương mại- Uỷ ban Dân tộc Miền núi- Tài chính- Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 20/1998/NĐ-CP.

- Căn cứ Thông tư số 06/1998/TT-BVGCP ngày 22/8/1998 của Ban Vật giá Chính phủ hướng dẫn nguyên tắc xác định đơn giá trợ giá, trợ cước vận chuyển và xác định mức giá bán lẻ các mặt hàng chính sách được trợ giá, trợ cước tại các tỉnh miền núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc.

- Căn cứ Quyết định số 868/1998/QĐ-BKH ngày 29/12/1998 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 1999 cho các địa phương.

- Xét đề nghị của sở Tài chính-Vật giá (sau khi đã làm việc cụ thể, thống nhất với sở Kế hoạch và Đầu tư và các ngành liên quan) tại văn bản số 102/TC-VG ngày 8/2/1999 về phương án triển khai thực hiện các mặt hàng chính sách miền núi ở địa phương năm 1999.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: - Phê duyệt phương án triển khai thực hiện các mặt hàng chính sách miền núi ở địa phương năm 1999 với những nội dung cụ thể như sau:

1- Về kinh phí:

+ Tổng kinh phí cho thực hiện trợ giá, trợ cước vận chuyển các mặt hàng chính sách miền núi theo quy định ở địa phương năm 1999 là: 4.521.000.000đ (bốn tỷ năm trăm hai mươi mốt triệu đồng).

+ Về phân bổ kinh phí:

- Cho chương trình bưu cổ: 1.006.000.000đ.
- Cho trợ giá, trợ cước vận chuyển các mặt hàng chính sách khác: 3.515.000.000đ (có phụ lục chi tiết kèm theo).

Toàn bộ số kinh phí trên là để trợ giá, trợ cước vận chuyển một số mặt hàng chính sách theo quy định lên miền núi để phục vụ đồng bào các dân tộc. Đảm bảo cho giá bán tại các trung tâm cụm xã, huyện miền núi bằng hoặc xấp xỉ giá bán lẻ tại trung tâm các huyện miền xuôi, góp phần ổn định đời sống nhân dân các dân tộc miền núi ở địa phương.

2- Các mặt hàng chính sách được trợ giá, trợ cước vận chuyển ở địa phương năm 1999:

a- Các mặt hàng được trợ giá:

- Giống cây lương thực (thóc giống, ngô giống).
- Giống cây ăn quả theo chỉ đạo của tỉnh (nhãn, vải thiều, hồng ghép).
- Giống lạc cho sản xuất lạc xuất khẩu.

Riêng mặt hàng muối iốt được trợ giá công trộn muối iốt.

b- Các mặt hàng được trợ cước vận chuyển:

+ Mặt hàng được trợ cước đến trung tâm cụm xã:
- Muối iốt.
- Giấy viết học sinh.
- Dầu hỏa thắp sáng.
- Thuốc chữa bệnh.

+ Mặt hàng được trợ cước vận chuyển đến trung tâm huyện:
- Phân bón các loại (N, K, Supe lân Lâm Thao, lân Văn Điển).
- Than các loại.

(Riêng mặt hàng phân bón. Theo quy định, Nhà nước chỉ quy định khung giá trần đến cụm liên xã, còn tiền cước vận chuyển từ huyện về cụm xã được tính trong phí lưu thông).

3- Về đối tượng được hưởng chính sách trợ giá, trợ cước vận chuyển:

Về đối tượng được hưởng chính sách trợ giá, trợ cước vận chuyển cũng như phân công nhiệm vụ cho các đơn vị đảm nhiệm thực hiện phục vụ các mặt hàng chính sách năm 1999 vẫn thực hiện như quy định của UBND tỉnh trong năm 1998.

Điều 2: - Căn cứ nội dung phê duyệt trên. Sở Tài chính Vật giá phối hợp cùng các ngành có liên quan (Sở Kế hoạch và Đầu tư, sở Thương mại và Du lịch, sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, sở Y tế....) có văn bản hướng dẫn các doanh nghiệp, các địa phương và cơ sở thực hiện.

Về cơ chế quản lý đối với các mặt hàng chính sách miền núi năm 1999 vẫn thực hiện theo quy định tại quyết định số 774/QĐ-UB ngày 10/4/1997 của UBND tỉnh nhưng bổ xung thêm một số điểm cụ thể như sau:

1- Về Quản lý giá:

+ Sở Tài chính-Vật giá thường xuyên thông báo giá mua tối đa (giá trần) đối với một số mặt hàng (muối nguyên liệu, thóc giống, ngô giống) cho các đơn vị để làm cơ sở cho các doanh nghiệp lựa chọn, mua theo hình thức đấu thầu.

+ Các doanh nghiệp được giao nhiệm vụ cung ứng và tiêu thụ các mặt hàng chính sách thường xuyên nắm và báo cáo kịp thời giá mua tại chân hàng cấp I (hoặc cơ sở sản xuất cung ứng) với sở Tài chính, sở Kế hoạch và Đầu tư, sở chủ quản để theo dõi, giám sát việc thực hiện.

+ Sở Tài chính Vật giá phối hợp cùng các ngành xét duyệt phí lưu thông, giá bán, mức trợ giá và trợ cước vận chuyển từng mặt hàng làm cơ sở trình UBND tỉnh quyết định về:

- Giá bán lẻ thống nhất tại trung tâm các cụm xã đối với các mặt hàng: giống cây trồng, muối iốt, giấy viết học sinh.

- Quy định khung giá trần tối đa đến trung tâm các cụm xã đối với các mặt hàng: dầu hỏa thắp sáng, phân bón các loại, thuốc chữa bệnh.

- Quy định khung giá trần tối đa đến trung tâm huyện đối với mặt hàng than.

Căn cứ vào quy định khung giá trần tối đa do UBND tỉnh quy định. Các doanh nghiệp có trách nhiệm chỉ đạo, thông báo giá bán lẻ đến từng cụm xã, liên xã để các cơ sở thực hiện. Đồng thời, chỉ đạo các cơ sở bán lẻ phải niêm yết giá công khai và bán đúng giá doanh nghiệp đã chỉ đạo và thông báo.

2- Về tổ chức thực hiện:

+ Các doanh nghiệp phải thường xuyên chủ động khai thác nguồn hàng để thường xuyên có đủ hàng hoá cung ứng, đáp ứng các nhu cầu về số lượng, chất lượng hàng hoá cho các địa phương, cơ sở trong phạm vi toàn tỉnh.

06

- Chủ động mở rộng màng lưới cung ứng, bán hàng để phục vụ nhân dân thuận tiện, đáp ứng kịp thời mọi nhu cầu về số lượng, chất lượng và giá cả theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra các đại lý bán hàng cho doanh nghiệp để phát hiện, xử lý kịp thời những trường hợp nhận hàng, bán hàng trái quy định.

3- Về thanh quyết toán và cấp phát kinh phí trợ cước, trợ giá: tiếp tục thực hiện như quy định của UBND tỉnh chỉ đạo và sở Tài chính vật giá hướng dẫn tại văn bản số 186/TC-VG ngày 17/4/1996.

Điều 3: - Các đồng chí Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc sở Tài chính - Vật giá, Giám đốc sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Thương mại Du lịch, giám đốc sở Y tế, Giám đốc sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Thái Nguyên và Giám đốc các Doanh nghiệp có kinh doanh mặt hàng chính sách có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký./.

Nơi nhận
- Bộ Tài chính
- Ban Vật giá Chính phủ
- Thường trực Tỉnh uỷ (Thay báo cáo)
- Như điều 3 (để thực hiện)
- Lưu: VP-KTTH-SXKD-HĐND-VX (K9.K)

TM/ UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KT/CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ân

PHÂN BỔ KINH PHÍ TRỢ GIÁ, TRỢ CƯỚC VẬN CHUYỂN CHO CÁC MẶT HÀNG CHÍNH SÁCH MIỀN NÚI Ở ĐỊA PHƯƠNG NĂM 1999

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 580 /QĐ-UB ngày 26 tháng 02 năm 1999 của UBND tỉnh).

Số TT	Danh mục mặt hàng	Kinh phí phân bổ (1000đ)
1	Muối iốt	1.006.000
2	Giống cây trồng	1.100.000
3	Phân bón các loại	1.354.000
4	Thuốc chữa bệnh	280.000
5	Dầu hoả thắp sáng	140.000
6	Giấy viết học sinh	20.000
7	Than các loại	621.000
	Cộng 7 mặt hàng	4.521.000

Mức phân bổ kinh phí trợ giá, trợ cước theo quý trong năm 1999 đối với từng mặt hàng: do Sở Tài chính-Vật giá làm việc cụ thể, thống nhất với các ngành và doanh nghiệp để quy định cụ thể.